

**PHỤ LỤC 1**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA YERSIN NHA TRANG**  
*(Kèm theo Bản công bố số 40/BVĐKY-THTH ngày 15/01/2025 của Bệnh viện Đa khoa Yersin Nha Trang)*

| STT        | Mã đào tạo | Trình độ | Ngành/chuyên ngành | Môn học/học phần/Tín chỉ | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tên khoa/đơn vị thực hành | Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị | Số lượng người học TH tối đa theo NGD | Số giường/ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH | Số lượng người học TH tối đa theo giường/ghế răng | Số lượng đang học | Số lượng có thể nhận thêm |
|------------|------------|----------|--------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|
| 1          | 2          | 3        | 4                  | 5                        | 6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7                         | 8                                      | 9                                     | 10                                         | 11                                                | 12                | 13                        |
| I. ĐẠI HỌC |            |          |                    |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                           |                                        |                                       |                                            |                                                   |                   |                           |
|            |            |          |                    | Nội bệnh lý 1 TH         | <b>Bệnh lý hệ tim mạch:</b><br>1. Điện tâm đồ ứng dụng trong lâm sàng<br>2. Tăng huyết áp<br>3. Điều trị suy tim<br>4. Hẹp, hở van 2 lá<br>5. Hẹp, hở van động mạch chủ<br>6. Tâm phế mạn<br>7. Con đau thắt ngực<br>8. Thuốc chống huyết khối sử dụng trong bệnh lý tim mạch<br><b>Bệnh lý hệ hô hấp:</b><br>1. Viêm phế quản cấp, mạn<br>2. Viêm phổi<br>3. Hen phế quản<br>4. Áp xe phổi<br>5. Ung thư phổi<br><b>Bệnh lý hệ nội tiết:</b><br>1. Bướu cổ đơn thuần<br>2. Basedow<br>3. Đái tháo đường | Nội Tổng hợp<br>HSTC - CD | 7                                      | 70                                    | 85                                         | 255                                               | 0                 | 70                        |

|                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                              |   |    |    |     |   |    |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---|----|----|-----|---|----|
| Nội bệnh lý 2 TH | <b>Bệnh lý hệ tiêu hóa</b><br>1. Loét dạ dày - tá tràng<br>2. Xơ gan<br>3. Viêm gan mạn<br>4. Xuất huyết tiêu hóa trên<br>5. Táo bón<br>6. Hội chứng ruột kích thích<br><b>Bệnh lý hệ tiết niệu:</b><br>1. Viêm cầu thận mạn<br>2. Hội chứng thận hư thứ phát<br>3. Viêm đài bể thận cấp, mạn<br>4. Viêm bàng quang, niệu đạo<br>5. Suy thận mạn<br><b>Bệnh lý hệ huyết học:</b><br>1. Chẩn đoán và điều trị thiếu máu<br>2. Leucemie cấp<br>3. Leucemie kinh<br>4. Xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân<br>5. An toàn truyền máu<br><b>Bệnh lý hệ cơ xương khớp:</b><br>1. Gút<br>2. Thoái hóa khớp<br>3. Viêm khớp dạng thấp | Nội Tổng<br>hợp<br>HSTC - CD | 7 | 70 | 85 | 255 | 0 | 70 |
| Nội bệnh lý 3 TH | <b>Bệnh lý cấp cứu:</b><br>- Cấp cứu ngừng hô hấp tuần hoàn<br>-Sốc<br>-Ngộ độc cấp: Nguyên tắc xử trí và xử trí ngộ độc một số chất<br>-Điện giật, ngạt nước, rắn độc cắn<br>-Phù phổi cấp<br>-Nhồi máu cơ tim cấp<br>-Rối loạn nhịp tim<br>-Suy hô hấp cấp<br>-Ho ra máu<br><b>Bệnh lý tổng hợp:</b><br>- Chẩn đoán và điều trị hôn mê<br>- Chẩn đoán và điều trị đau ngực<br>- Chẩn đoán và điều trị đau lưng<br>- Rối loạn nước và điện giải<br>-Chẩn đoán và điều trị bệnh ở người cao tuổi                                                                                                                                        | Nội Tổng<br>hợp<br>HSTC - CD | 7 | 70 | 85 | 255 | 0 | 70 |

|   |         |         |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |   |    |    |    |   |    |
|---|---------|---------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|----|----|----|---|----|
| 1 | 7720101 | Đại học | Y đa khoa/Y khoa | <p><b>Hệ tiêu hóa:</b><br/> Trĩ nội, trĩ ngoại Viêm ruột thừa Thủng dạ dày Hẹp môn vị<br/> Sỏi mật Tắc ruột<br/> Viêm tụy cấp<br/> Chảy máu đường tiêu hóa</p> <p><b>Hệ tiết niệu:</b><br/> U xơ tiền liệt tuyến Sỏi tiết niệu<br/> Chấn thương và vết thương thận<br/> Đập, vỡ niệu đạo</p> <p><b>Cơ quan vận động:</b><br/> Gãy đầu dưới hai xương cẳng tay<br/> Gãy xương bàn tay Viêm xương<br/> Gãy hai mắt cá Gãy cổ xương đùi<br/> Gãy thân xương đùi Vỡ mâm chậu<br/> Gãy xương cẳng chân Cắt cụt chi<br/> Gãy thân xương cánh tay<br/> Gãy trên lồi cầu xương cánh tay<br/> Gãy mỏm khuỷu</p> <p><b>Hệ tiêu hóa:</b><br/> 1. Rò hậu môn<br/> 2. Tắc ruột sơ sinh<br/> 3. Hẹp môn vị<br/> 4. Sỏi mật chủ và các biến chứng cấp<br/> 5. Vết thương thấu bụng<br/> 6. Tăng áp lực tĩnh mạch cửa<br/> 7. Chảy máu đường tiêu hóa</p> | Ngoại tổng hợp | 1 | 10 | 15 | 45 | 0 | 10 |
|---|---------|---------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|----|----|----|---|----|



|  |  |  |  |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |    |     |    |     |   |     |
|--|--|--|--|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----|-----|----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | Nhi 2 TH                                   | <b>Bệnh học:</b><br>1. Chẩn đoán và Xử trí Suy HHCT<br>2. Chẩn đoán và Xử trí hôn mê<br>3. Chẩn đoán và Xử trí vàng da<br>4. Chẩn đoán và Xử trí co giật<br>5. Chẩn đoán và Xử trí Thiếu máu<br>6. Chẩn đoán và Xử trí Xuất huyết<br>7. Chẩn đoán và Xử trí RL kiềm - toan<br>8. Chẩn đoán và Xử trí Ngộ độc cấp<br>9. Chẩn đoán và điều trị Suy tim<br>10. Chẩn đoán và Điều trị HCTH<br><b>Chẩn đoán và điều trị Hen PQ:</b><br>12. Chẩn đoán và điều trị N khuẩn Sơ sinh<br>13. Chẩn đoán và điều trị N khuẩn TN<br>14. Chẩn đoán sơ sinh non yếu<br>15. Chẩn đoán Tim bẩm sinh<br>16. Chẩn đoán BC cấp Chăm sóc sức khỏe ban đầu:<br>1. Thực hành IMCI<br>2. Sử dụng thuốc cho trẻ<br>Tư vấn CSSKBĐ | Nhi                         | 4  | 40  | 60 | 180 | 0 | 40  |
|  |  |  |  | Điều dưỡng cơ sở 1<br>Điều dưỡng cơ sở 2   | Nhu cầu cơ bản của con người<br>Các kỹ năng chăm sóc điều dưỡng<br>Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh<br>Phát triển thực hành điều dưỡng<br>Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh<br>Chăm sóc tiêu hóa – bài tiết cho người bệnh<br>Năng lực cấp cứu của người điều dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nội tổng<br>hợp<br>HSTC -CD | 11 | 110 | 85 | 225 | 0 | 110 |
|  |  |  |  | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa. | Đại cương chăm sóc nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh nội khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nội tổng<br>hợp<br>HSTC -CD | 11 | 110 | 85 | 225 | 0 | 110 |

|   |         |         |                    |                                                            |                                                                                                                                                                                                                   |                          |    |     |    |     |   |     |
|---|---------|---------|--------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----|-----|----|-----|---|-----|
| 2 | 7720301 | Đại học | Điều dưỡng đa khoa | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa.               | . -Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh có vấn đề ngoại khoa.<br>- Thực hành kiến thức và kỹ năng đánh giá cũng như giải quyết vấn đề tại các cơ sở y tế để chăm sóc sức khỏe cho người bệnh ngoại khoa. | Ngoại tổng hợp           | 3  | 30  | 15 | 45  | 0 | 30  |
|   |         |         |                    | Chăm sóc sức khỏe trẻ em.                                  | Đánh giá và chăm sóc những bệnh lý cấp cứu ở trẻ em, thực hành các kỹ thuật cấp cứu trẻ em và lập được kế hoạch chăm sóc trẻ em cấp cứu.                                                                          | Nhi                      | 5  | 50  | 60 | 180 | 0 | 50  |
|   |         |         |                    | Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.          | . -Đại cương về chăm sóc một số trường hợp Cấp cứu, nguy kịch<br>-Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: Ngộ độc                                                                                      | HSTC-CĐ                  | 4  | 40  | 8  | 24  | 0 | 24  |
|   |         |         |                    | Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi                           | Thành lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người già<br>Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.                             | Nội tổng hợp<br>HSTC -CĐ | 11 | 110 | 85 | 225 | 0 | 110 |
|   |         |         |                    | TH chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ,gia đình và chăm sóc ĐD | Thực hành kỹ năng chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén và trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại cộng đồng.                                                                                                         | Sản Nhi                  | 13 | 130 | 90 | 270 | 0 | 130 |
|   |         |         |                    | TH chăm sóc người bệnh cần PHCN-YHCT                       | .-Thực hành một số phương pháp VLTL- PHCN<br>- Ứng dụng một số phương pháp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng YHCT                                                                                        | YHCT-<br>VLTL<br>PHCN    | 2  | 20  | 5  | 15  | 0 | 15  |
|   |         |         |                    | TH Chăm sóc sức khỏe chuyên khoa Mắt, TMH,RHM              | Thực hành các kỹ năng chăm sóc người bệnh chuyên khoa Mắt, TMH,RHM                                                                                                                                                | Liên chuyên khoa         | 7  | 70  | 5  | 15  | 0 | 15  |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                      |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | <p>Quản lý điều dưỡng</p> <p>Vận dụng kiến thức quản lý y tế vào hoạt động quản lý điều dưỡng, thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng trong hệ thống quản lý điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn</p>                                                                                                                                                                                     | <p>Nội tổng hợp<br/>HSTC -CD<br/>Ngoại tổng hợp<br/>Liên chuyên khoa<br/>Sân Nhi</p> | 34 | 340 | 195 | 585 | 0 | 340 |
|  |  |  |  | <p>Thực tế tốt nghiệp</p> <p>.- Hoàn thiện các kỹ năng đánh giá, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý các khoa phòng bệnh viện<br/>- Phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, ĐDT khoa, ĐDT bệnh viện, Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc BN cho từng loại bệnh</p>                                                                                                                                                                                                             | <p>Nội tổng hợp<br/>HSTC -CD<br/>Ngoại tổng hợp<br/>Liên chuyên khoa<br/>Sân Nhi</p> | 34 | 340 | 195 | 585 | 0 | 340 |
|  |  |  |  | <p>Điều dưỡng cơ sở 1<br/>Điều dưỡng cơ sở 2</p> <p>.-Nhu cầu cơ bản của con người<br/>-Các kỹ năng chăm sóc điều dưỡng<br/>-Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh.<br/>-Phát triển thực hành điều dưỡng<br/>-Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh<br/>-Chăm sóc tiêu hóa bài tiết cho người bệnh<br/>-Năng lực Cấp cứu của người điều dưỡng</p>                                                                                                                                                                                          | <p>Nội tổng hợp<br/>HSTC -CD<br/>Ngoại tổng hợp</p>                                  | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|  |  |  |  | <p>Chăm sóc cấp cứu<br/>Sân phụ khoa</p> <p>.-Xuất huyết sản khoa 3 tháng đầu<br/>-Các bệnh gặp thường gặp ở 3 tháng giữa thời kỳ thai nghén<br/>-Các bệnh gặp thường gặp ở 3 tháng cuối thời kỳ thai nghén<br/>-Dọa đẻ non và đẻ non<br/>-Khối u sinh dục với thai nghén<br/>-Chăm sóc người bệnh dò bàng quang-âm đạo<br/>-Chăm sóc người bệnh sa sinh dục<br/>-Bệnh tim mạch và thai nghén<br/>-Nhiễm trùng đường tiết niệu và thai nghén<br/>-Thiếu máu và thai nghén<br/>-Thiếu iod và thai nghén<br/>-Bệnh lao và thai nghén</p> | <p>Sân</p>                                                                           | 6  | 60  | 30  | 90  | 0 | 60  |

|   |         |         |                            |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |   |    |    |     |   |    |
|---|---------|---------|----------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|----|----|-----|---|----|
| 3 | 7720302 | Đại học | Điều dưỡng<br>Sân phụ khoa | Chăm sóc sức khỏe bà mẹ sản thường      | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ</li> <li>-Chăm sóc bà mẹ sau đẻ</li> <li>-Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ</li> <li>-Nhiễm khuẩn sau đẻ</li> <li>-Rối loạn tâm thần sau đẻ</li> <li>-Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ</li> <li>-Kế hoạch hóa gia đình sau đẻ</li> <li>-Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ</li> </ul>                                                                                                                                                   | Sân | 6 | 60 | 30 | 90  | 0 | 60 |
|   |         |         |                            | Chăm sóc sức khỏe trẻ em                | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Các thời kỳ phát triển của trẻ em dưới 5 tuổi</li> <li>-Sự phát triển thể chất của trẻ dưới 5 tuổi</li> <li>-Sự phát triển tinh thần, vận động của trẻ dưới 5 tuổi</li> <li>-Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi</li> <li>-Chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi</li> <li>-Theo dõi biểu đồ tăng trưởng</li> <li>-Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em</li> <li>-Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ</li> </ul>                                                  | Nhi | 6 | 60 | 60 | 180 | 0 | 60 |
|   |         |         |                            | Chăm sóc sức khỏe bà mẹ sản khó         | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Đẻ khó do thai</li> <li>-Đẻ khó do mẹ</li> <li>-Đẻ khó do cơ co tử cung</li> <li>-Đẻ khó do ngôi thai bất thường</li> <li>-Đẻ khó do đa thai</li> <li>-Đẻ khó do phần phụ của thai</li> <li>-Chuyển dạ kéo dài, tắc nghẽn</li> <li>-Dọa vỡ và vỡ tử cung</li> <li>-Suy thai, ngạt thai</li> <li>-Sa chi, sa dây rốn</li> <li>-Chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ</li> <li>-Chảy máu trong thời kỳ sổ rốn và sau đẻ</li> <li>-Chuẩn bị một cuộc đẻ can thiệp</li> </ul> | Sân | 6 | 60 | 30 | 90  | 0 | 60 |
|   |         |         |                            | Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trong chuyển dạ | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sinh lý và lâm sàng chuyển dạ</li> <li>-Cơ chế đẻ Vô khuẩn trong sản khoa</li> <li>-Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường</li> <li>-Nhu cầu theo dõi và chăm sóc Phụ nữ trong giai đoạn I của chuyển dạ đẻ</li> <li>-Nhu cầu theo dõi và chăm sóc Phụ nữ trong giai đoạn II của chuyển dạ đẻ</li> <li>-Nhu cầu theo dõi và chăm sóc Phụ nữ trong giai đoạn III của chuyển dạ đẻ thường.</li> <li>-Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế</li> <li>-các thuốc dùng trong chuyển dạ đẻ</li> </ul>        | Sân | 6 | 60 | 30 | 90  | 0 | 60 |



|  |  |  |  |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |   |    |    |    |   |    |
|--|--|--|--|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---|----|----|----|---|----|
|  |  |  |  | <div>Quản lý điều dưỡng</div>  | Vận dụng kiến thức quản lý y tế vào hoạt động quản lý điều dưỡng, thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng trong hệ thống quản lý điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Sản             | 6 | 60 | 30 | 90 | 0 | 60 |
|  |  |  |  | <div>Thực tập tốt nghiệp</div> | Thực tập tại Bệnh viện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Sản             | 6 | 60 | 30 | 90 | 0 | 60 |
|  |  |  |  | <div>Huyết học</div>           | .- Quy trình đón tiếp và giao tiếp với bệnh nhân, trả kết quả xét nghiệm.<br>- Pha một số hóa chất xét nghiệm huyết học, nhận biết các hoá chất được sử dụng trong các xét nghiệm huyết học.<br>- Kỹ thuật lấy máu mao mạch<br>- Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch<br>- Làm công thức máu<br>- Làm tiêu bản máu ngoại vi<br>- Lập công thức bạch cầu trên lam<br>- Đo tốc độ máu lắng<br>- Đếm số lượng hồng cầu lưới<br>- Huyết đồ<br>- Tuỷ đồ<br>- Kỹ thuật tìm tế bào Hargraves<br>- Thời gian máu chảy, máu đông<br>- Thời gian Prothrombin, APTT, Howell<br>- Định lượng fibrinogen<br>- Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO, Rh<br>Xét nghiệm chứng nghiệm phù hợp<br>- Nghiệm pháp Coombs<br>- Điện di huyết sắc tố<br>- Xét nghiệm tế bào và tinh thể trong nước tiểu.<br>- Định tính/định lượng HBsAg, anti-HBs, HBeAg, anti HCV bằng kỹ thuật ELISA<br>- Tham gia buổi thu gom máu<br>- Xét nghiệm máu chẩn đoán KST sốt rét (lấy mẫu | Khoa Xét nghiệm | 6 | 60 |    |    | 0 | 60 |

|   |         |         |                           |               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |   |    |  |  |   |    |
|---|---------|---------|---------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---|----|--|--|---|----|
| 4 | 7720601 | Đại học | Kỹ thuật Xét nghiệm Y học | Hóa sinh      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định lượng bilirubin (toàn phần, trực tiếp, gián tiếp) trong máu</li> <li>- Đo hoạt độ GOT, GPT, GGT trong máu</li> <li>- Định lượng creatinin trong máu và nước tiểu</li> <li>- Định lượng ure trong máu và nước tiểu</li> <li>- Định lượng acid uric trong máu và nước tiểu</li> <li>- Xét nghiệm 10 thông số nước tiểu</li> <li>- Định lượng glucose trong máu và nước tiểu</li> <li>- Định lượng HbA1C</li> <li>- Nghiệm pháp tăng đường máu</li> <li>- Xét nghiệm cetonic trong nước tiểu</li> <li>- Điện giải đồ</li> <li>- Khí máu</li> <li>- Xét nghiệm tuyền giáp</li> <li>- Phản ứng Pandy, phản ứng Rivalta (nếu có)</li> </ul>                                                                                               | Khoa Xét nghiệm | 6 | 60 |  |  | 0 | 60 |
|   |         |         |                           | Vì sinh       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm các phản ứng ASLO, Widal, RF.</li> <li>- Xác định bệnh giang mai: Phản ứng RPR, VDRL và TPHA (nếu có)</li> <li>- Nhuộm Ziehl Neelsen và đọc tiêu bản lao</li> <li>- Nhuộm Gram</li> <li>- Nuôi cấy các loại bệnh phẩm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Khoa Xét nghiệm | 6 | 60 |  |  | 0 | 60 |
|   |         |         |                           | Ký sinh trùng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trứng giun sán, đơn bào phương pháp xét nghiệm trực tiếp</li> <li>- Trứng giun sán, đơn bào phương pháp xét nghiệm tập trung (Willis, Formon-Ether)</li> <li>- Ký sinh trùng (Trichomonas, Demodex, Rận ben Phthirus pubis, Ghé Sarcoptes scabies hominis) / Vi nấm soi tươi (Candida, nấm da Dermatophytes...)</li> <li>- Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi trực tiếp/test nhanh</li> <li>- Plasmodium (ký sinh trùng sốt rét) trong máu nhuộm soi</li> <li>- Plasmodium (ký sinh trùng sốt rét) trong máu test nhanh</li> <li>- Giun chỉ ấu trùng trong máu nhuộm soi - Toxoplasma IgG/IgM miễn dịch</li> <li>- Vi nấm/ ký sinh trùng (IgG, IgM) miễn dịch</li> <li>- Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường</li> </ul> | Khoa Xét nghiệm | 6 | 60 |  |  | 0 | 60 |

|   |         |         |               |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                |   |    |  |  |   |    |
|---|---------|---------|---------------|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|----|--|--|---|----|
| 5 | 7720401 | Đại học | Dược          | Sử dụng thuốc trong điều trị                         | .- Ghi chép thông tin bệnh án theo mẫu S.O.A.P<br>- Phân tích được ca lâm sàng theo mẫu S.O.A.P                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Khoa Dược      | 5 | 50 |  |  | 0 | 50 |
|   |         |         |               | Thực tế tốt nghiệp                                   | .- Chức năng nhiệm vụ của khoa dược bệnh viện, vẽ được sơ đồ tổ chức khoa dược và mối quan hệ chuyên môn giữa khoa dược đối với các khoa, phòng điều trị khác.<br>- Nhiệm vụ của Hội đồng thuốc và điều trị của bệnh viện: Quy chế hoạt động; Xây dựng danh mục thuốc; Một số phát đồ điều trị được Hội đồng thông qua;<br>Công tác quản lý, sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và có hiệu quả.<br>- Công tác thống kê ở khoa dược: Phần mềm sử dụng, các biểu mẫu thống kê, biểu mẫu báo cáo thường qui.<br>- Công tác lập kế hoạch và đầu thầu cung ứng thuốc, thuốc BHYT của khoa dược<br>- Công tác lập kế hoạch và cấp phát thuốc của khoa dược cho các khoa, phòng điều trị.<br>- Các văn bản pháp qui, qui chế liên quan đến lĩnh vực dược của Nhà nước hiện đang được sử dụng<br>- Hướng dẫn dùng thuốc cho từng bệnh nhân theo chỉ định của Bác sĩ điều trị.<br>- Thực hiện công tác “Sử dụng thuốc an toàn và hợp lý” tại các khoa phòng điều trị.<br>- Công tác phát hiện, theo dõi và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc.<br>- Công tác xuất nhập, quản lý tồn trữ thuốc tại kho dược, quản lý thuốc gây nghiện, hướng thần, định kỳ kiểm tra | Khoa Dược      | 5 | 50 |  |  | 0 | 50 |
|   |         |         | Kỹ thuật Phục | Các kỹ thuật cơ bản trong lượng giá và điều trị VLTL | .- Đo tầm vận động chi trên<br>- Đo tầm vận động chi dưới<br>- Thử cơ chi trên<br>- Thử cơ chi dưới<br>- Đo chiều dài và chu vi chi<br>- Đo chiều dài nặng<br>- Vận động trị liệu<br>- Xoa bóp trị liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | YHCT-VLTL-PHCN | 2 | 20 |  |  | 0 | 20 |
|   |         |         |               | Thực tập VLTL/PHCN Nội khoa                          | .- VLTL/PHCN cho người bệnh tổn thương tuỷ sống<br>- VLTL/PHCN cho người bệnh tai biến mạch máu não<br>- VLTL/PHCN cho người bệnh viêm quanh khớp vai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | YHCT-VLTL-PHCN | 2 | 20 |  |  | 0 | 20 |

|   |         |         |               |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                 |    |     |     |     |   |     |
|---|---------|---------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
| 6 | 7720603 | Đại học | hồi chức năng | Thực tập<br>VLTL/PHCN<br>Ngoại khoa                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- VLTL/PHCN cho người bệnh gãy xương chi trên</li> <li>- VLTL/PHCN cho người bệnh gãy xương chi dưới</li> <li>- VLTL/PHCN cho người bệnh tổn thương phần mềm</li> <li>- VLTL/PHCN cho người bệnh chấn thương cột sống</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | YHCT-<br>VLTL-<br>PHCN                          | 2  | 20  |     |     | 0 | 20  |
|   |         |         |               | Thực tập<br>VLTL/PHCN<br>nhi khoa                                                                             | VLTL/PHCN cho trẻ bại não                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | YHCT-<br>VLTL-<br>PHCN                          | 2  | 20  |     |     | 0 | 20  |
|   |         |         |               | Thao tác đúng và an<br>toàn các phương thức<br>điều trị vật lý trị liệu<br>cho các trường hợp<br>bệnh cụ thể. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện trị liệu</li> <li>- Thủy, nhiệt trị liệu</li> <li>- Quang trị liệu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | YHCT-<br>VLTL-<br>PHCN                          | 2  | 20  |     |     | 0 | 20  |
|   |         |         |               | Điều dưỡng cơ bản                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rửa tay thường quy</li> <li>- Mang găng vô khuẩn</li> <li>- Đo dấu sinh tồn</li> <li>- Cho người bệnh uống thuốc các loại</li> <li>- Tiêm bắp</li> <li>- Tiêm tĩnh mạch</li> <li>- Tiêm dưới da, trong da</li> <li>- Truyền dung dịch</li> <li>- Lấy máu xét nghiệm</li> <li>- Cho người bệnh thở oxy</li> <li>- Chăm sóc vết mổ, vết loét do tì đè</li> <li>- Tiếp nhận người bệnh viện, chuyển viện, ra viện</li> <li>- Vận chuyển người bệnh từ giường qua xe và ngược lại.</li> <li>- Chuẩn bị người bệnh siêu âm</li> <li>- Chuẩn bị NB chụp phim các loại</li> <li>- Chăm sóc người bệnh tăng huyết áp</li> <li>- Chăm sóc người bệnh viêm phổi</li> <li>- Chăm sóc người bệnh viêm phế quản</li> </ul> | Nội tổng<br>hợp<br>HSTC-CĐ<br>Ngoại Tổng<br>hợp | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|   |         |         |               | Điều dưỡng Nội khoa                                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc người bệnh viêm loét dạ dày – tá tràng</li> <li>- Chăm sóc người bệnh đái tháo đường</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nội tổng<br>hợp<br>HSTC-CĐ                      | 11 | 110 | 85  | 225 | 0 | 110 |

|   |         |         |                         |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |   |    |    |     |   |    |
|---|---------|---------|-------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|---|----|----|-----|---|----|
| 7 | 7720502 | Đại học | Kỹ thuật phục hình răng | Điều dưỡng Ngoại khoa             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc người bệnh trước mổ</li> <li>- Chăm sóc người bệnh sau mổ</li> <li>- Chăm sóc người bệnh mổ ruột thừa viêm</li> <li>- Chăm sóc người bệnh bông</li> <li>- Chăm sóc người bệnh mổ xương</li> <li>- Chăm sóc người bệnh bó bột</li> <li>- Chăm sóc người bệnh gãy xương</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ngoại Tổng hợp        | 3 | 30 | 15 | 45  | 0 | 30 |
|   |         |         |                         | Điều dưỡng Nhi khoa               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc trẻ viêm đường hô hấp cấp</li> <li>- Chăm sóc trẻ tiêu chảy cấp</li> <li>- Chăm sóc trẻ sốt cao co giật</li> <li>- Chăm sóc trẻ hen phế quản</li> <li>- Chăm sóc trẻ hội chứng thận hư</li> <li>- Chăm sóc trẻ viêm cầu thận cấp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Khoa Nhi              | 5 | 50 | 60 | 180 | 0 | 50 |
|   |         |         |                         | - Thực tập chuyên ngành I, II, IV | <ul style="list-style-type: none"> <li>* Nhận bệnh &amp; sắp xếp hồ sơ dụng cụ:</li> <li>- Tiếp nhận bệnh nhân (trực hành chánh)</li> <li>- Sắp xếp hồ sơ bệnh án và báo cáo về cách - Sắp xếp hồ sơ bệnh án điều trị tại phòng khám/ bệnh viện</li> <li>- Sắp xếp, bảo quản dụng cụ &amp; vệ sinh vô trùng (trực dụng cụ)</li> <li>* Phụ tá: Khám, Chữa, Nhổ, Tiêm phẫu, Phục hình</li> <li>* Điều dưỡng cơ bản và RHM:</li> <li>- Đo dấu hiệu sinh tồn</li> <li>- Chuẩn bị bệnh nhân trước mổ</li> <li>- Chăm sóc bệnh nhân sau mổ</li> <li>- Thay băng/ rửa vết thương</li> <li>- Cắt chỉ</li> <li>* Tiêm thuốc: Bắp, Tĩnh mạch, Dưới da, Trong da</li> <li>Chăm sóc, điều trị răng miệng:</li> <li>- Lấy vôi răng-đánh bóng- Giáo dục tại ghế.</li> <li>- Giáo dục tại phòng chờ</li> <li>- Nhổ răng lung lay</li> <li>- Nhổ răng vĩnh viễn</li> <li>- Trám răng sâu ngà /A.R.T</li> <li>- Chụp phim X – quang răng</li> <li>- Chữa tủy răng</li> <li>Lập kế hoạch và chăm sóc bệnh nhân điều trị tại khoa</li> <li>Răng hàm mặt (Bệnh nhân chấn thương hàm mặt, điều trị viêm nhiễm và khối u vùng hàm mặt, chăm sóc bệnh nhân trước và sau phẫu thuật, chuẩn bị cho bệnh nhân mổ răng hàm</li> </ul> | Khoa Liên chuyên khoa | 7 | 70 | 5  | 15  | 0 | 15 |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                    |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | <p>Thực tập điều dưỡng cơ bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận chuyển người bệnh (xe ngồi, xe nằm)</li> <li>- Trải giường các loại</li> <li>- Các thể nằm điều trị</li> <li>- Theo dõi dấu sinh tồn</li> <li>- Chườm nóng, chườm lạnh</li> <li>- Lấy máu, phân, nước tiểu xét nghiệm</li> <li>- Vệ sinh cho người bệnh</li> <li>- Đút cho người bệnh ăn, cho ăn qua sonde</li> <li>- Tiêm thuốc, truyền dịch, truyền máu</li> <li>- Thực hiện 5 kỹ thuật cấp cứu</li> <li>- Cho người bệnh thở oxy</li> <li>- Hút đờm dãi</li> <li>- Đặt sonde dạ dày</li> <li>- Phụ bác sĩ chọc dò</li> <li>- Băng bó vết thương</li> <li>- Thay băng vết thương</li> <li>- Thông tiểu</li> <li>- Súc bàng quang, Thụt tháo</li> <li>- Rửa tay nội và ngoại khoa</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <p>Nội tổng hợp<br/>HSTC-CĐ<br/>Ngoại Tổng hợp</p> | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|  |  |  |  | <p>Bệnh học</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo dấu hiệu sinh tồn, chuẩn bị người bệnh cho bác sĩ khám, chữa bệnh.</li> <li>- Thăm khám các cơ quan tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, liệt nửa người, tiết niệu, da niêm mạc và các tổ chức liên quan.</li> <li>- Khám, phát hiện các triệu chứng trong các bệnh nội khoa hay gặp như: viêm phổi, hen phế quản, COPD, loét dạ dày tá tràng, xơ gan, áp xe gan, ung thư gan, suy tim, tăng huyết áp, tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim, suy thận, hội chứng thận hư, đái tháo đường, basedow, viêm đa khớp dạng thấp, xuất huyết tiêu hóa...</li> <li>- Khám phát hiện triệu chứng một số bệnh ngoại khoa thường gặp như ruột thừa viêm, gãy xương, vết thương phần mềm, vết thương mạch máu, chấn thương sọ não...</li> <li>- Thực hiện chăm sóc một số người bệnh bị những bệnh thông thường.</li> <li>- Thay băng vết thương, băng vết thương.</li> <li>- Khâu vết thương.</li> <li>- Hướng dẫn người bệnh về chế độ ăn uống, nghỉ ngơi, cách dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ.</li> </ul> | <p>Nội tổng hợp<br/>HSTC-CĐ<br/>Ngoại Tổng hợp</p> | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |

|                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                         |   |    |  |  |   |    |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---|----|--|--|---|----|
| Thực tập lâm sàng chuyên ngành I  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi trên (bàn cổ tay, cẳng tay, khuỷu tay, cánh tay, xương bả vai, xương đòn, khớp cùng đòn, khớp vai)</li> <li>- Kỹ thuật chụp lồng ngực toàn bộ, xương sườn, xương ức, khớp ức đòn.</li> <li>- Kỹ thuật chụp cột sống (cổ, ngực, thắt lưng, cùng cụt).</li> <li>- Kỹ thuật chụp răng</li> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi dưới- Khung chậu</li> <li>- Kỹ thuật chụp khớp háng – Khớp cùng chậu – đo đường kính hố chậu nhỏ.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim phổi thường quy.</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa ( dạ dày, đại tràng )</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Khoa Chẩn đoán hình ảnh | 2 | 20 |  |  | 0 | 20 |
| Thực tập lâm sàng chuyên ngành II | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi trên (bàn cổ tay, cẳng tay, khuỷu tay, cánh tay, xương bả vai, xương đòn, khớp cùng đòn, khớp vai)</li> <li>- Kỹ thuật chụp lồng ngực toàn bộ, xương sườn, xương ức, khớp ức đòn.</li> <li>- Kỹ thuật chụp cột sống (cổ, ngực, thắt lưng, cùng cụt).</li> <li>- Kỹ thuật chụp răng</li> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi dưới.- Khung chậu</li> <li>- Kỹ thuật chụp khớp háng – Khớp cùng chậu – đo đường kính hố chậu nhỏ.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim phổi thường quy.</li> <li>- Kỹ thuật chụp phế quản có thuốc cản quang.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim có uống baryt</li> <li>- Kỹ thuật chụp tùy sống có thuốc cản quang.</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa ( dạ dày, đại tràng )</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu ( KUB, UIV. )</li> <li>- Kỹ thuật chụp X quang sọ-mặt.</li> <li>- Rửa phim và kỹ thuật tạo ảnh</li> </ul> |                         |   |    |  |  |   |    |

|   |         |         |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  |  |  |  |  |  |
|---|---------|---------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 8 | 7720602 | Đại học | Kỹ thuật hình ảnh y học | <p>Thực tập lâm sàng chuyên ngành III</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi trên (bàn cơ tay, cẳng tay, khuỷu tay, cánh tay, xương bả vai, xương đòn, khớp cùng đòn, khớp vai)</li> <li>- Kỹ thuật chụp lồng ngực toàn bộ, xương sườn, xương ức, khớp ức đòn.</li> <li>- Kỹ thuật chụp cột sống (cổ, ngực, thắt lưng, cùng cụt).</li> <li>- Kỹ thuật chụp răng</li> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi dưới.- Khung chậu</li> <li>- Kỹ thuật chụp khớp háng – Khớp cùng chậu – đo đường kính hố chậu nhỏ.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim phổi thường quy.</li> <li>Kỹ thuật chụp phế quản có thuốc cản quang.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim có uống baryt</li> <li>- Kỹ thuật chụp tủy sống có thuốc cản quang.</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa ( dạ dày, đại tràng )</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu ( KUB, UIV. )</li> <li>- Kỹ thuật chụp X quang sọ - mặt.</li> <li>- Kỹ thuật chụp vú</li> <li>- Rửa phim và kỹ thuật tạo ảnh</li> <li>- Trợ thủ kỹ thuật chụp mạch máu</li> <li>- Kiến tập và trợ thủ một số kỹ thuật CT và siêu âm</li> </ul> |  |  |  |  |  |  |  |
|   |         |         |                         | <p>Thực tập lâm sàng chuyên ngành IV</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi trên</li> <li>- Kỹ thuật chụp khớp vai, khớp ức đòn, khớp cùng đòn</li> <li>- Kỹ thuật chụp lồng ngực toàn bộ, xương sườn, xương ức</li> <li>- Kỹ thuật chụp cột sống (cổ, ngực, thắt lưng, cùng cụt).</li> <li>- Kỹ thuật chụp răng</li> <li>Kỹ thuật chụp X quang xương chi dưới - Khung chậu</li> <li>- Kỹ thuật chụp khớp háng – Khớp cùng chậu – đo đường kính hố chậu nhỏ.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim phổi thường quy.</li> <li>- Kỹ thuật chụp phế quản có thuốc cản quang.</li> <li>- Kỹ thuật chụp tim có uống baryt</li> <li>- Kỹ thuật chụp tủy sống có thuốc cản quang.</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa ( thực quản, dạ dày, đại tràng)</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu ( KUB, UIV...)</li> <li>- Kỹ thuật chụp sọ mặt và xoang</li> <li>- Kỹ thuật chụp vú</li> <li>- Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính</li> <li>- Kỹ thuật công hưởng từ</li> </ul>                                                                                                           |  |  |  |  |  |  |  |



|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |  |  |  |  |  |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| Thực tập lâm sàng chuyên ngành V | .- Kỹ thuật chụp X quang xương chi trên<br>- Kỹ thuật chụp khớp vai, khớp ức đòn, khớp cùng đòn<br>- Kỹ thuật chụp lồng ngực toàn bộ, xương sườn, xương ức<br>- Kỹ thuật chụp cột sống (cổ, ngực, thắt lưng, cùng cụt).<br>- Kỹ thuật chụp răng<br>- Kỹ thuật chụp X quang xương chi dưới - Khung chậu<br>- Kỹ thuật chụp khớp háng – Khớp cùng chậu – đo đường kính hố chậu nhỏ.<br>- Kỹ thuật chụp tim phổi thường quy.<br>- Kỹ thuật chụp phế quản có thuốc cản quang.<br>- Kỹ thuật chụp tim có uống baryt<br>- Kỹ thuật chụp tùy sống có thuốc cản quang.<br>- Kỹ thuật chụp hệ tiêu hóa ( thực quản, dạ dày, đại tràng )<br>- Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu ( KUB, UIV...)<br>- Kỹ thuật chụp sọ mặt và xoang<br>- Kỹ thuật chụp vú<br>- Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính<br>- Kỹ thuật cộng hưởng từ<br>- Trợ thủ kỹ thuật siêu âm<br>- Trợ thủ kỹ thuật chụp mạch máu<br>- Kỹ thuật y học hạt nhân<br>- Đánh giá phim chụp và mô tả bệnh lý<br>- Rửa phim và kỹ thuật tạo ảnh |  |  |  |  |  |  |  |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |  |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | Thực tế tốt nghiệp | - kỹ thuật chụp tim phổi, lồng ngực<br>- kỹ thuật chụp xương khớp chi trên, chi dưới<br>- kỹ thuật chụp cột sống<br>- kỹ thuật chụp sọ mắt và xoang<br>- kỹ thuật chụp bụng không Chuẩn bị<br>- kỹ thuật chụp bụng Cấp cứu<br>- kỹ thuật chụp vú<br>- kỹ thuật chụp răng<br>- kỹ thuật chụp thực quản<br>- kỹ thuật chụp dạ dày tá tràng<br>- kỹ thuật chụp Đại tràng<br>Kỹ thuật chụp niệu – Sinh dục ( UIV, UPR. HSG...)<br>- kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính<br>- kỹ thuật cộng hưởng từ<br>- trợ thủ kỹ thuật siêu âm<br>- trợ thủ kỹ thuật chụp mạch máu<br>- đánh giá phim chụp và mô tả bệnh lý<br>- Rửa phim và kỹ thuật tạo ảnh<br>- Thu thập số liệu cho đề tài nghiên cứu khoa học (đối với các SV làm khóa luận tốt nghiệp) |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|

## II. CAO ĐẲNG

|  |  |  |  |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                            |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | Điều dưỡng cơ sở I và II                    | -Nhu cầu cơ bản của con người<br>-Các kỹ năng chăm sóc điều dưỡng<br>-Chăm sóc vết thương an toàn cho người bệnh<br>-Phát triển thực hành điều dưỡng<br>-Hỗ trợ hô hấp cho người bệnh<br>-Chăm sóc tiêu hóa – bài tiết cho người bệnh<br>- Năng lực cấp cứu của người ĐD                                                                                 | Nội tổng hợp<br>HSTC -CD<br>Ngoại tổng hợp | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|  |  |  |  | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa   | Đại cương chăm sóc nội khoa; Các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực nội khoa; Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực nội khoa; Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh nội khoa                                                                                                                                                       | Nội tổng hợp<br>HSTC -CD                   | 11 | 110 | 85  | 255 | 0 | 110 |
|  |  |  |  | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa | -Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về chăm sóc và các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực ngoại khoa;<br>-Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh có vấn đề ngoại khoa. Sinh viên sẽ có cơ hội mở rộng kiến thức và kỹ năng đánh giá cũng như giải quyết vấn đề tại các cơ sở y tế để chăm sóc sức khỏe cho người bệnh ngoại khoa. | Ngoại tổng hợp                             | 3  | 30  | 15  | 45  | 0 | 30  |

|   |         |          |            |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                        |    |     |    |    |   |    |
|---|---------|----------|------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----|-----|----|----|---|----|
| 1 | 6720301 | Cao đẳng | Điều dưỡng | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa nâng cao | .-Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Phòng mổ và hồi sức sau mổ, một số bệnh lý thường gặp của Chuyên khoa Mắt, Tai mũi họng, Răng hàm mặt.<br>-Lập kế hoạch chăm sóc và thực hành chăm sóc người bệnh một số bệnh thông thường tại các chuyên khoa.                                                                                                                                                                                  | Ngoại Liên chuyên khoa | 10 | 100 | 20 | 60 | 0 | 60 |
|   |         |          |            | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình          | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi. Sinh viên sẽ được tổ chức thực hành kỹ năng chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén và trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại cộng đồng.                                                                                    | Sản                    | 8  | 80  | 30 | 90 | 0 | 80 |
|   |         |          |            | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình nâng cao | .-Giúp sinh viên nắm được những nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thường gặp trong sản phụ khoa.<br>-Lập kế hoạch chăm sóc sản phụ và thực hành các kỹ thuật, thủ thuật về phụ sản và chăm sóc trẻ sơ sinh. Thực hiện GDSK về công tác dân số và KHHGĐ.<br>-Nắm bắt được những ưu, nhược điểm của từng biện pháp tránh thai. Giám sát và xử trí kịp thời các tác dụng phụ và biến chứng của từng biện pháp tránh thai. | Sản                    | 8  | 80  | 30 | 90 | 0 | 80 |
|   |         |          |            | Y học cổ truyền                                      | .-Phương pháp chẩn đoán và chữa bệnh theo y học cổ truyền<br>-Huyệt và cách xác định, phối hợp huyệt<br>-Vị trí, tác dụng, cách châm 60 huyệt thường dùng<br>-Bệnh chứng và công thức châm cứu<br>-Các thủ thuật xoa bóp, chữa một số bệnh thông thường<br>-Nhận biết các loại thuốc                                                                                                                                                                | VLTL-<br>PHCN-<br>YHCT | 2  | 20  | 7  | 21 | 0 | 20 |

|                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                           |    |     |     |     |   |     |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
| Thực tập điều dưỡng bệnh viện                      | Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của các đơn vị y tế tuyến cơ sở và tuyến tỉnh.<br>Thực hiện chức năng nhiệm vụ của người điều dưỡng và các kỹ thuật chăm sóc đã được học vào thực tế chăm sóc tại cộng đồng<br>Nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu, chăm sóc toàn diện.<br>Thực hiện các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng và các cơ sở khám chữa bệnh | Nội tổng hợp<br>HSTC -CĐ<br>Ngoại tổng hợp<br>Liên chuyên khoa<br>Sân Nhi | 34 | 340 | 195 | 585 | 0 | 340 |
| Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi              | .-Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: những đặc điểm về cơ thể và bệnh tật ở người già.<br>-Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc một số bệnh thường gặp ở người già<br>-Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, nghiêm túc trong chăm sóc sức khỏe người có tuổi.                                                                                                                                     | Nội TH                                                                    | 7  | 70  | 77  | 221 | 0 | 70  |
| Phục hồi chức năng                                 | .-Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương về Phục hồi chức năng;<br>-Các biện pháp nâng cao sức khỏe bằng phục hồi chức năng<br>-Cách xác định các vấn đề sức khỏe có liên quan đến phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                    | VLTL-<br>PHCN-<br>YHCT                                                    | 2  | 20  | 7   | 21  | 0 | 20  |
| Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực   | Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Đại cương về chăm sóc một số trường hợp cấp cứu, nguy kịch; Chăm sóc người bệnh trong các trường hợp đặc biệt: ngộ độc                                                                                                                                                                                                                                                      | HSTC-CĐ                                                                   | 4  | 40  | 8   | 24  | 0 | 24  |
| Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa nâng cao | .-Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các vấn đề sức khỏe của con người về lĩnh vực chuyên khoa hệ nội;<br>-Chăm sóc sức khỏe cho người bệnh về lĩnh vực chuyên khoa hệ nội<br>-Lập kế hoạch và thực hành chăm sóc người bệnh chuyên khoa hệ nội                                                                                                                                                                 | Nội tổng hợp<br>HSTC -CĐ                                                  | 11 | 110 | 85  | 255 | 0 | 110 |
| Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao                  | Trang bị cho sinh viên kiến thức nâng cao để nhận định đánh giá và chăm sóc những bệnh lý cấp cứu ở trẻ em, thực hành các kỹ thuật cấp cứu trẻ em và lập được kế hoạch chăm sóc trẻ em cấp cứu.                                                                                                                                                                                                                             | Sân Nhi                                                                   | 13 | 130 | 90  | 270 | 0 | 130 |

|  |  |  |  |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                        |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | Thực tập tốt nghiệp                  | Thực tập một số kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và nâng cao, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình người bệnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nội tổng hợp<br>HSTC -CD<br>Ngoại TH<br>Liên<br>chuyên khoa<br>Sân Nhi | 34 | 340 | 195 | 585 | 0 | 340 |
|  |  |  |  | Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhu cầu cơ bản của con người</li> <li>-Vệ sinh đôi tay, mặc áo choàng, mang găng vô khuẩn</li> <li>-Khử khuẩn, tiệt khuẩn</li> <li>-Dấu hiệu sinh tồn và cách ghi chép</li> <li>-Kỹ thuật tiêm thuốc, truyền dung dịch, truyền máu.</li> <li>-Lấy bệnh phẩm xét nghiệm</li> <li>-Thông tiểu, dẫn lưu tiểu, rửa bàng quang</li> <li>-Kỹ thuật băng vết thương</li> <li>-Thay băng rửa vết thương</li> <li>-Sơ cứu chảy máu</li> <li>-Sơ cứu gãy xương</li> <li>-Hồi sinh tim phổi</li> <li>-Thực hành lâm sàng</li> </ul> | Nội TH<br>HSTC -CD<br>Ngoại TH                                         | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|  |  |  |  | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học  | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sinh lý kinh nguyệt ,chăm sóc phụ nữ có ra máu bất thường đường sinh dục</li> <li>-Vệ sinh phụ nữ - Chăm sóc phụ nữ viêm sinh dục do tạp khuẩn</li> <li>-Khối u sinh dục</li> <li>-Chăm sóc sức khỏe phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh, vô sinh,</li> <li>-U vú</li> <li>-Chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | Sân                                                                    | 8  | 80  | 30  | 90  | 0 | 80  |
|  |  |  |  | Chăm sóc thai nghén                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng</li> <li>-Thai nhi đủ tháng, phần phụ đủ tháng</li> <li>-Chẩn đoán thai nghén, quản lý thai nghén</li> <li>-Ngôi thể, kiểu thể, độ lọt</li> <li>-Vệ sinh thai nghén Thăm khám khung chậu Thai nghén có nguy cơ cao, tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai</li> </ul>                                                                                                                                                                                                    | Sân                                                                    | 8  | 80  | 30  | 90  | 0 | 80  |

|   |         |          |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |   |    |    |     |   |    |
|---|---------|----------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|----|----|-----|---|----|
| 2 | 6720303 | Cao đẳng | Hộ sinh | <p>Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường</p> <p>.- Sinh lý và lâm sàng chuyển dạ,<br/>-Cơ chế đẻ vô khuẩn trong sản khoa<br/>Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường<br/>-Nhu cầu theo dõi và chăm sóc phụ nữ trong giai đoạn I của chuyển dạ đẻ<br/>-Nhu cầu theo dõi và chăm sóc Phụ nữ trong giai đoạn II của chuyển dạ đẻ<br/>-Nhu cầu theo dõi và chăm sóc Phụ nữ trong giai đoạn III của chuyển dạ đẻ thường.<br/>-Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế Các thuốc dùng trong chuyển dạ đẻ</p> | Sản | 8 | 80 | 30 | 90  | 0 | 80 |
|   |         |          |         | <p>Chăm sóc chuyển dạ đẻ khó</p> <p>.-Đẻ khó do thai<br/>-Đẻ khó do mẹ<br/>-Đẻ khó do cơn co tử cung<br/>-Đẻ khó do ngôi thai bất thường<br/>-Đẻ khó do đa thai<br/>-Đẻ khó do phần phụ của thai<br/>-Chuyển dạ kéo dài, tắc nghẽn<br/>-Dọa vỡ và vỡ tử cung Suy thai, ngạt thai<br/>-Sa chi, sa dây rốn<br/>-Chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ<br/>-Chảy máu trong thời kỳ sổ rốn và sau đẻ<br/>-Chuẩn bị một cuộc đẻ can thiệp</p>                         | Sản | 8 | 80 | 30 | 90  | 0 | 80 |
|   |         |          |         | <p>Chăm sóc sau đẻ</p> <p>.-Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ<br/>-chăm sóc bà mẹ sau đẻ<br/>-Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ<br/>-Nhiễm khuẩn sau đẻ<br/>-Rối loạn tâm thần sau đẻ<br/>-Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ<br/>-kế hoạch hóa gia đình sau đẻ<br/>-Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ</p>                                                                                                                                                        | Sản | 8 | 80 | 30 | 90  | 0 | 80 |
|   |         |          |         | <p>Chăm sóc sơ sinh</p> <p>Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng<br/>Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng<br/>Chăm sóc trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh<br/>Bú sớm – Nuôi con bằng sữa mẹ<br/>Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da<br/>Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi<br/>Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não<br/>Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy</p>                                                                                  | Nhi | 5 | 50 | 60 | 180 | 0 | 50 |



|   |         |          |      |                       |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |   |    |    |    |   |    |
|---|---------|----------|------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---|----|----|----|---|----|
|   |         |          |      | Quản lý hộ sinh       | .-Khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh<br>-Quản lý khoa phòng<br>-Quản lý các nguồn lực và quản lý các nguy cơ<br>-Quản lý thời gian<br>-Phân công công việc và giám sát<br>-Đối phó với các xung đột và giải quyết xung đột | Sản  | 8 | 80 | 30 | 90 | 0 | 80 |
|   |         |          |      | Thực tế ngành         | Thực tập tại trạm y tế cơ sở<br>Thực tập tại Bệnh viện Phụ sản                                                                                                                                                                                          |      |   |    |    |    |   |    |
| 3 | 6720201 | Cao đẳng | Dược | Quản lý tồn trữ thuốc | Nguyên tắc tồn trữ và quản lý kho dược<br>Quy định bảo quản tốt thuốc<br>Bảo quản thuốc<br>Bảo quản dụng cụ y tế                                                                                                                                        | Dược | 5 | 50 |    |    | 0 | 50 |
|   |         |          |      | Dược lâm sàng         | Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc tại khoa phòng lâm sàng bệnh viện                                                                                                                                                                                     | Dược | 5 | 50 |    |    | 0 | 50 |
|   |         |          |      | Thực tập tốt nghiệp   | Thực tập tại khoa Dược bệnh viện                                                                                                                                                                                                                        | Dược | 5 | 50 |    |    | 0 | 50 |



|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                  |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | .-Thực tập Nội khoa Nhận định tình trạng chẩn đoán<br>chăm sóc người bệnh: tiêu hóa, hô hấp, tim mạch, tiết<br>niệu, huyết học, khớp.<br>-Lập kế học chăm sóc người bệnh nội khoa Tiêm bắp –<br>thử phản ứng nội bì.Tiêm tĩnh mạch, Truyền dịch<br>Đo mạch, nhiệt độ, huyết áp và kê băng<br>-Chăm sóc phòng ngừa loét ép<br>-Thay chiếu vải chài giường<br>-Cho bệnh nhân ăn bằng thìa<br>-Cho người bệnh thở ôxy<br>-Thụt tháo, thụt giữ<br>-Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng bụng<br>-Tắm và vệ sinh thân thể cho BN<br>-Gội đầu cho người bệnh<br>-Phụ giúp thầy thuốc khám bệnh<br>-Phụ giúp thầy thuốc thực hiện các kỹ thuật chẩn đoán<br>– điều trị<br>-Tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người<br>nhà của họ<br>-Thông tiểu<br>-Cho ăn qua sonde<br>-Chăm sóc theo dõi người bệnh thở máy<br>-Đặt sonde dạ dày và hút dịch dạ dày<br>-Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng phổi<br>-Phụ giúp bác sĩ chọc dò màng tim<br>-Truyền máu<br>-Phụ giúp bác sĩ chọc dò tủy sống xét nghiệm tủy đồ | Nội tổng<br>hợp<br>HSTC -CĐ<br>Ngoại tổng<br>hợp | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|--|--|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|

|   |         |             |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                    |   |    |  |  |   |    |
|---|---------|-------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---|----|--|--|---|----|
| 4 | 6720602 | Cao<br>đẳng | Kỹ thuật xét<br>nghiệm y học | Huyết học<br>.-Kỹ thuật tiếp nhận bệnh phẩm huyết học<br>-Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản nhuộm<br>-Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu<br>-Kỹ thuật đếm số lượng bạch cầu<br>-Kỹ thuật đếm số lượng tiểu cầu<br>Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu lưới<br>Kỹ thuật đếm phân loại bạch cầu<br>Kỹ thuật đo tốc độ lắng máu<br>Kỹ thuật phụ giúp Bác sĩ chọc dò tủy xương<br>Kỹ thuật làm huyết đồ kỹ thuật sử dụng máy huyết học<br>tự động<br>Kỹ thuật làm các xét nghiệm thời gian chảy máu đông,<br>co cục máu.<br>Kỹ thuật định nhóm máu hệ ABO,Rh<br>Kỹ thuật xử lý tình huống khi định nhóm máu bằng 2<br>phương pháp không cho cùng kết quả<br>Kỹ thuật thử phản ứng chéo<br>Kỹ thuật làm nghiệm pháp coombs<br>Kỹ thuật sản xuất huyết thanh, mẫu hồng cầu mẫu<br>Chọn người cho máu và lấy máu để truyền<br>Nhận xét và trả lời kết quả xét nghiệm tế bào | Khoa Xét<br>nghiệm | 6 | 60 |  |  | 0 | 60 |
|---|---------|-------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---|----|--|--|---|----|



|   |         |          |                         |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |   |    |   |    |   |    |
|---|---------|----------|-------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---|----|---|----|---|----|
| 5 | 6720601 | Cao đẳng | Kỹ thuật Phục hình răng | Phối hợp lâm sàng 1 | 1. Thực hiện phục hình tháo lắp toàn phần.<br>2. Thực hiện phục hình tháo lắp từng phần nền nhựa<br>3. Thực hiện khay lấy dấu cá nhân<br>4. Thực hiện nền tạm – gổĩ cấy.<br>5. Thực hiện đệm hàm nhựa<br>6. Thực hiện thay/thêm móc hàm nhựa.<br>7. Thực hiện thay/thêm răng hàm nhựa<br>8. Thực hiện thay nền hàm nhựa<br>9. Thực hiện vá hàm nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Liên chuyên khoa | 7 | 70 | 5 | 15 | 0 | 15 |
|   |         |          |                         | Phối hợp lâm sàng 2 | 1. Thực hiện phục hình từng phần khung bộ<br>2. Thực hiện mào/cầu răng tạm<br>3. Thực hiện mào/cầu răng kim loại<br>4. Thực hiện răng chốt/cùi giả/inlay/onlay<br>5. Thực hiện sáp và ép nhựa máng nhai<br>Thực hiện khí cụ chỉnh hình răng mặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |   |    |   |    |   |    |
|   |         |          |                         | Phối hợp lâm sàng 3 | 1. Thực hiện mào/cầu răng tạm<br>2. Thực hiện mào/cầu răng sứ<br>3. Thực hiện răng chốt/cùi giả/inlay/onlay<br>4. Thực hiện sáp và ép nhựa máng nhai<br>6. Thực hiện khí cụ chỉnh hình răng mặt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |   |    |   |    |   |    |
|   |         |          |                         | Thực tập cuối khóa  | 1. Thực hiện khay lấy dấu cá nhân<br>2. Thực hiện nền tạm – gổĩ cấy.<br>3. Thực hiện phục hình tháo lắp toàn hàm<br>4. Thực hiện phục hình tháo lắp bán hàm nền nhựa<br>5. Thực hiện đệm hàm nhựa<br>6. Thực hiện thay/ thêm móc hàm nhựa<br>7. Thực hiện thay/ thêm răng hàm nhựa<br>8. Thực hiện thay nền hàm nhựa<br>9. Thực hiện vá hàm nhựa<br>10. Thực hiện phục hình bán hàm khung bộ<br>11. Thực hiện mào/cầu răng tạm<br>12. Thực hiện mào/cầu răng kim loại<br>13. Thực hiện mào/cầu răng sứ<br>14. Thực hiện răng chốt/cùi giả/inlay/onlay<br>15. Thực hiện sáp và ép nhựa máng nhai<br>16. Thực hiện khí cụ chỉnh hình răng mặt |                  |   |    |   |    |   |    |

|   |         |          |                                |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |   |    |   |    |   |    |
|---|---------|----------|--------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---|----|---|----|---|----|
| 6 | 6720604 | Cao đẳng | Kỹ thuật<br>Phục hồi chức năng | Thực tập lâm sàng 1 | 1. Thực hành sử dụng các loại dòng điện trị liệu;<br>2. Thực hành sử dụng ánh sáng trị liệu;<br>3. Thực hành sử dụng nhiệt trị liệu.<br>4. Thực hành sử dụng thủy trị liệu.<br>4. Thực hành sử dụng máy kéo dẫn cột sống;<br>6. Thực hành sử dụng các kỹ thuật vận động trị liệu chi trên;<br>7. Thực hành sử dụng các kỹ thuật vận động trị liệu chi dưới;<br>8. Thực hành các kỹ thuật VLTL điều trị chuyên khoa sâu;<br>9. Thực hành cách sử dụng và lựa chọn dụng cụ chỉnh hình, dụng cụ trợ giúp;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | YHCT-VLTL<br>PHCN | 2 | 20 | 5 | 15 | 0 | 15 |
|   |         |          |                                | Thực tập lâm sàng 2 | 1. PHCN bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não<br>2. PHCN bệnh nhân do bị tổn thương tủy sống<br>3. Rối loạn thần kinh thực vật ở bệnh nhân tổn thương tủy sống<br>4. PHCN hội chứng thần kinh tọa<br>5. PHCN liệt thần kinh số VII<br>6. PHCN bệnh nhân động kinh<br>7. PHCN hội chứng parkinson.<br>8. PHCN viêm nhiều rễ thần kinh<br>9. PHCN viêm màng não do vi khuẩn<br>10. PHCN trong viêm đa khớp dạng thấp<br>11. Chương trình tập William cho lưng<br>12. PHCN đau lưng<br>13. PHCN các bệnh về cơ<br>14. PHCN hội chứng vai tay<br>15. PHCN viêm quanh khớp vai<br>16. PHCN bệnh nhân bong gân, trật khớp<br>17. PHCN bệnh nhân tổn thương phần mềm.<br>18. PHCN bệnh nhân gãy xương<br>19. PHCN bệnh nhân tổn thương sụn chêm và dây chằng khớp gối<br>20. PHCN bệnh nhân phẫu thuật ổ bụng<br>21. PHCN bệnh nhân phẫu thuật lồng ngực<br>22. PHCN bệnh nhân thoái hóa khớp | YHCT-VLTL<br>PHCN | 2 | 20 | 5 | 15 | 0 | 15 |

|  |  |  |  |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                |   |    |   |    |   |    |
|--|--|--|--|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---|----|---|----|---|----|
|  |  |  |  | <p>Thực tập lâm sàng 3</p> | <p>1. PHCN bệnh loãng xương, biến dạng cột sống, viêm khớp dạng thấp<br/>2. PHCN bệnh viêm khớp thiếu niên, viêm cột sống dính khớp 3.PHCN bàn chân khoèo, vẹo cổ bẩm sinh, còi xương<br/>4.PHCN thay khớp<br/>5.PHCN cho trẻ tự kỷ<br/>6.PHCN cho trẻ bại não<br/>7.PHCN cho trẻ chậm phát triển trí tuệ<br/>8.PHCN cho trẻ chậm phát triển ngôn ngữ<br/>9.Lượng giá và các kỹ thuật vật lý trị liệu bệnh hô hấp<br/>10. VLTL viêm phế quản và viêm phổi thùy<br/>11.VLTL áp xe phổi<br/>12.VLTL viêm phế quản tắc nghẽn<br/>13.VLTL hen phế quản, giãn phế quản<br/>14.VLTL lao phổi, bụi phổi<br/>15.VLTL tràn dịch màng phổi, tràn khí màng phổi<br/>16.Lượng giá các kỹ thuật VLTL bệnh tim mạch<br/>17.VLTL bệnh suy tim, thấp tim, nhồi máu cơ tim<br/>18.VLTL giãn tĩnh mạch<br/>19.VLTL giãn tĩnh mạch<br/>20.PHCN rối loạn đại tiện, tiểu tiện<br/>21.VLTL cho sản phụ trước sinh và sau sinh<br/>22.VLTL nhiễm khuẩn tiết niệu<br/>23. Chăm sóc bệnh nhân đái tháo đường<br/>24.Lập kế hoạch phục hồi chức năng</p> | <p>YHCT-<br/>VLTL<br/>PHCN</p> | 2 | 20 | 5 | 15 | 0 | 15 |
|  |  |  |  | <p>Thực tập cuối khóa</p>  | <p>1. Lượng giá người bệnh khuyết tật<br/>2. Lập kế hoạch điều trị phương pháp vật lý trị liệu, phục hồi chức năng cho từng bệnh theo chỉ định của bác sĩ<br/>3. Thực hiện các phương thức vật lý trị liệu cho từng bệnh theo chỉ định của bác sĩ<br/>4.Thực hiện các bài tập vận động trị liệu cho từng bệnh theo chỉ định của bác sĩ<br/>5.Lập kế hoạch chăm sóc</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <p>YHCT-<br/>VLTL<br/>PHCN</p> | 2 | 20 | 5 | 15 | 0 | 15 |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                     |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | <p>Điều dưỡng cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng theo dõi dấu hiệu sinh tồn</li> <li>- Kỹ năng dùng thuốc cho người bệnh</li> <li>- Kỹ năng hỗ trợ dinh dưỡng</li> <li>- Kỹ năng hỗ trợ hô hấp</li> <li>- Kỹ năng hỗ trợ bài tiết tiêu hóa</li> <li>- Kỹ năng hỗ trợ bài tiết tiết niệu</li> <li>- Kỹ năng chăm sóc vết thương</li> <li>- Kỹ năng lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>Nội tổng hợp<br/>HSTC -CD<br/>Ngoại tổng hợp</p> | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|  |  |  |  | <p>Thực tập lâm sàng 1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cử nhân cao đẳng kỹ thuật hình ảnh tại phòng khám X Quang</li> <li>- Ghi chép hồ sơ, sổ sách tại phòng khám X Quang</li> <li>- Sử dụng và bảo quản dụng cụ, trang thiết bị phòng khám tại phòng khám X Quang</li> <li>- kỹ thuật chụp X Quang chi</li> <li>- trên: Xương bàn cổ tay, cẳng tay khớp khuỷu, Xương cánh tay. kỹ thuật chụp Xương bả vai, Xương đòn, khớp vai, khớp cùng đòn</li> <li>- kỹ thuật chụp Tim-phổi thường qui</li> <li>- kỹ thuật chụp lồng ngực, Xương sườn, khớp ức đòn, Xương ức.</li> <li>- kỹ thuật chụp răng</li> <li>- kỹ thuật chụp X Quang chi dưới: bàn cổ chân, cẳng chân, khớp gối, Xương đùi, khớp háng, Xương chậu</li> <li>- kỹ thuật chụp X Quang sọ mặt- xoang</li> <li>- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cử nhân cao đẳng kỹ thuật hình ảnh tại phòng khám X Quang</li> <li>- Ghi chép hồ sơ, sổ sách tại phòng khám X Quang</li> <li>- Sử dụng và bảo quản dụng cụ, trang thiết bị phòng khám tại phòng khám X Quang</li> </ul> | <p>Khoa Chẩn đoán hình ảnh</p>                      | 2  | 20  |     |     | 0 | 20  |
|  |  |  |  | <p>Thực tập lâm sàng 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận hành, bảo trì máy X Quang, siêu âm và Cát lợp vi tính</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ tiết niệu không chuẩn bị</li> <li>- Kỹ thuật chụp cột sống: cổ, ngực, thắt lưng, cùng</li> <li>- Kỹ thuật chụp ổ bụng cấp cứu</li> <li>- Kỹ thuật chụp khung chậu</li> <li>- Kỹ thuật chụp dạ dày-tá tràng</li> <li>- Kỹ thuật chụp đại tràng</li> <li>- Kỹ thuật chụp đường mật</li> <li>- Kỹ thuật chụp hệ niệu có thuốc cản quang đường tĩnh mạch</li> <li>- Kỹ thuật siêu âm gan mật</li> <li>- Kỹ thuật siêu âm hệ tiết niệu</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <p>Khoa Chẩn đoán hình ảnh</p>                      | 2  | 20  |     |     | 0 | 20  |

|   |         |          |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                         |   |    |  |  |   |    |
|---|---------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---|----|--|--|---|----|
| 7 | 6720601 | Cao đẳng | Kỹ thuật<br>Hình ảnh y<br>học | <p>Thực tập lâm sàng 3</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp X quang chi trên, chi dưới</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp xương bả vai, xương đòn, khớp vai, khớp cùng đòn</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp Tim- phổi thường qui</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp lồng ngực, xương sườn, khớp ức đòn, có thuốc cản quang đường tĩnh mạch</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật siêu âm bụng tổng quát</li> <li>- Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính sọ xoang</li> <li>- Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính sọ không và có cản quang</li> <li>- Kỹ thuật chụp cắt lớp phổi không và có thuốc cản quang</li> <li>- Kỹ thuật chụp cắt lớp bụng không và có thuốc cản quang xương ức.</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp cột sống</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp răng</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp X quang sọ mặt- xoang</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp bụng không chuẩn bị</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp bụng cấp cứu</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp dạ dày – tá tràng</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp đại tràng</li> <li>- Ôn lại Kỹ thuật chụp hệ niệu</li> </ul> | Khoa Chẩn đoán hình ảnh | 2 | 20 |  |  | 0 | 20 |
|---|---------|----------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---|----|--|--|---|----|



|               |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                    |   |    |   |    |   |    |
|---------------|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---|----|---|----|---|----|
|               |  |  |  | <div>Thực tập cuối khóa</div> <div>1. Các kỹ thuật chụp X quang không và có dùng thuốc<br/>- Kỹ thuật chụp X quang chi trên: Xương bàn cổ tay, cẳng tay khớp khuỷu, xương cánh tay.<br/>- Kỹ thuật chụp xương bả vai, xương đòn, khớp vai, khớp cùng đòn<br/>- Kỹ thuật chụp Tim-phổi thường qui<br/>- Kỹ thuật chụp lồng ngực, xương sườn, khớp ức đòn, xương ức.<br/>- Kỹ thuật chụp cột sống: Cột sống cổ (thẳng, nghiêng, chéo), cột sống ngực (Thẳng, nghiêng), cột sống thắt lưng (thẳng, nghiêng), cột sống cùng cụt<br/>- Kỹ thuật chụp răng<br/>- Kỹ thuật chụp X quang chi dưới: bàn cổ chân, cẳng chân, khớp gối, xương đùi, khớp háng, xương chậu<br/>- Kỹ thuật chụp X quang sọ mặt- xoang<br/>- Kỹ thuật chụp dạ dày– tá tràng<br/>- Kỹ thuật chụp đại tràng<br/>- Kỹ thuật chụp hệ niệu có thuốc cản quang đường tĩnh mạch<br/>2.Các kỹ thuật chụp Cắt lớp vi tính<br/>- Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính sọ- xoang<br/>- Kỹ thuật chụp cắt lớp phổi có và không thuốc cản quang<br/>- Kỹ thuật chụp cắt lớp bụng có và không thuốc cản quang<br/>- Kỹ thuật chụp cắt lớp vùng tiểu khung có và không thuốc cản quang</div> | <div>Khoa Chẩn đoán hình ảnh</div> | 2 | 20 |   |    | 0 | 20 |
| III.TRUNG CẤP |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                    |   |    |   |    |   |    |
|               |  |  |  | <div>Thực tập lâm sàng</div> <div>- Thực hành lâm sàng các huyết trên kinh Phế - Tâm bào – Tâm<br/>- Thực hành lâm sàng các huyết trên kinh Đại trường- Tam tiêu-Tiểu trường<br/>- Thực hành lâm sàng các huyết trên kinh Tỳ-Can- Thận<br/>-Thực hành lâm sàng các huyết trên kinh Vị- Đờm- Bàng quang<br/>- Lâm bệnh án YHCT</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <div>YHCT- VLTL PHCN</div>         | 2 | 30 | 5 | 15 | 0 | 15 |

|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                    |    |    |    |     |   |    |
|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----|----|----|-----|---|----|
| TT Xoa bóp- Ấn huyết- dưỡng sinh | .- Xoa bóp, bấm huyết điều trị các bệnh thông thường (đau lưng cấp, đau vai gáy, đau đầu, liệt nửa người, đau thần kinh tọa ...)<br>- Hướng dẫn tập dưỡng sinh (các động tác cơ bản)<br>- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình của họ<br>- Làm bệnh án YHCT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | YHCT-VLTL PHCN     | 2  | 30 | 5  | 15  | 0 | 15 |
| Thực tập LS Ngoại-Sân            | 1/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương gãy xương đùi.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương gãy xương cẳng tay.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương cẳng chân.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân bong.<br>2/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân viêm ruột thừa.<br>Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân tắc ruột.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân thủng dạ dày.<br>3/ Tiếp nhận sản phụ vào điều trị tại khoa Sản<br>- Đếm nhịp tim thai<br>- Khám nhận định thai đủ tháng, thiếu tháng<br>- Chăm sóc trẻ sơ sinh<br>- Chăm sóc sản phụ<br>- Tư vấn các biện pháp tránh thai | Ngoại Tổng hợp Sản | 11 | 33 | 45 | 135 | 0 | 33 |

|   |         |           |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                  |    |     |     |     |   |     |
|---|---------|-----------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
| 1 | 5720102 | Trung cấp | Y sĩ Y học cổ truyền | <p>TTLS Nội-Nhi</p> <p>1/ Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn uống nghỉ ngơi, cách dùng thuốc theo chỉ định của BS<br/>         - Phát hiện được tiếng tim, tiếng thổi, âm ran bệnh lý<br/>         - Khám phát hiện và đánh giá hôn mê, liệt<br/>         Thăm khám hệ tuần hoàn và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tuần hoàn thường gặp.<br/>         Thăm khám hệ hô hấp và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh hệ hô hấp thường gặp.<br/>         Thăm khám hệ tiêu hóa và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tiêu hóa thường gặp.<br/>         Thăm khám hệ tiết niệu và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh hệ tiết niệu thường gặp.<br/>         Làm bệnh án, thuyết trình bệnh án một số bệnh nội khoa thường gặp<br/>         Tham gia trực bệnh viện<br/>         2/ Tiếp nhận trẻ bệnh, kiểm tra dấu hiệu sinh tồn của trẻ (mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở)<br/>         Thực hành tiêm bắp – Tiêm trong da – Tiêm tĩnh mạch và truyền tĩnh mạch<br/>         Thực hành lau mát – chườm ấm cho trẻ đang có sốt.<br/>         Khám, xác định dấu hiệu bệnh nặng ở trẻ sơ sinh<br/>         Phát hiện triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em<br/>         Tham gia trực bệnh viện.</p> | Nội Tổng hợp Nhi | 12 | 180 | 137 | 411 | 0 | 180 |
|   |         |           |                      | <p>TTLS Y học cổ truyền 1</p> <p>.- Khám phát hiện được từng triệu chứng bệnh đã học<br/>         - Khám phát hiện các triệu chứng ở Lưỡi<br/>         - Khám phát hiện các triệu chứng ở Tai<br/>         - Khám phát hiện các triệu chứng ở Mũi<br/>         - Khám phát hiện các triệu chứng ở Miệng<br/>         - Khám phát hiện các triệu chứng ở Mắt<br/>         Làm bệnh án</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | YHCT-VLTL PHCN   | 2  | 30  | 5   | 15  | 0 | 15  |
|   |         |           |                      | <p>TTLS Y học cổ truyền 2</p> <p>.- Khám, biện luận, chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị các bệnh Cơ xương khớp<br/>         - Khám, biện luận, chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị các bệnh Thần kinh<br/>         - Khám, biện luận, chẩn đoán, đưa ra phương pháp điều trị các bệnh Nội khoa<br/>         - Làm bệnh án YHCT</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | YHCT-VLTL PHCN   | 2  | 30  | 5   | 15  | 0 | 15  |

|  |  |  |  |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                  |    |     |     |     |   |     |
|--|--|--|--|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----|-----|-----|-----|---|-----|
|  |  |  |  | TTLS Y học cổ truyền<br>3  | .- Chuẩn bị dụng cụ và thao tác châm cứu trên người bệnh<br>- Xoa bóp, bấm huyệt điều trị các bệnh thông thường (đau lưng cấp, đau vai gáy, đau đầu,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | YHCT-VLTL<br>PHCN                                | 2  | 30  | 5   | 15  | 0 | 15  |
|  |  |  |  | LS Điều dưỡng cơ sở        | LS Điều dưỡng cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nội tổng<br>hợp<br>HSTC -CĐ<br>Ngoại tổng<br>hợp | 14 | 140 | 100 | 300 | 0 | 140 |
|  |  |  |  | Thực tập lâm sàng<br>Ngoại | 1/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi bệnh nhân chấn thương sọ não.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi bệnh nhân chấn thương cột sống.<br>- Lâm bệnh án bệnh nhân chấn thương cột sống và chấn thương sọ não<br>- Thay băng vết thương, vết mổ và cắt chỉ.<br>2/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương gãy xương đùi.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương gãy xương cẳng tay.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân chấn thương cẳng chân.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân bong.<br>- Phụ và xử trí trường hợp cố định gãy xương bằng bột<br>- Phụ và xử trí vết thương phần mềm<br>- Lâm bệnh án bệnh nhân gãy xương chi trên, chi dưới và bong.<br>- Thay băng vết thương , vết mổ và cắt chỉ.<br>3/ Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân viêm ruột thừa.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh nhân tắc ruột.<br>- Khám phát hiện triệu chứng và theo dõi điều trị bệnh | Ngoại tổng<br>hợp                                | 1  | 10  | 15  | 45  | 0 | 10  |

|   |         |           |      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |   |    |    |     |   |    |
|---|---------|-----------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|----|----|-----|---|----|
| 2 | 5720101 | Trung cấp | Y sĩ | <p>Thực tập lâm sàng<br/>Nhi khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành bệnh án nhi khoa</li> <li>- Hướng dẫn người nhà bệnh nhi cho uống thuốc đúng cách theo đúng y lệnh và chế độ ăn uống nghỉ ngơi hợp lý</li> <li>Thực hành tiêm thuốc cho người bệnh</li> <li>- Thực hành hướng dẫn người nhà bệnh nhi cách lau mắt cho trẻ.</li> <li>- Thực hành hút đàm nhớt trẻ sơ sinh và cách cho thở oxy.</li> <li>- Thực hành khám, đánh giá trẻ sơ sinh non tháng, đủ tháng, già tháng</li> <li>- Thực hành khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh đường tiêu hóa thường gặp</li> <li>- Thực hành khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh hô hấp thường gặp</li> <li>- Thực hành khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh sơ sinh thường gặp</li> <li>- Thực hành khám, phát hiện triệu chứng, chẩn đoán và xử trí một số bệnh phòng tổng hợp thường gặp</li> <li>- Tham gia trực bệnh viện</li> <li>- Tham gia giao ban, thực hành cách viết và đọc giao ban</li> <li>Thực hành tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh</li> </ul> | Nhi | 4 | 40 | 60 | 180 | 0 | 40 |
|---|---------|-----------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|----|----|-----|---|----|

|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           |   |    |    |     |   |    |
|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---|----|----|-----|---|----|
| Thực tập LS Nội khoa | .- Hướng dẫn người bệnh chế độ ăn uống nghỉ ngơi, cách dùng thuốc theo chỉ định của bác sĩ<br>Phát hiện được tiếng tim, tiếng thổi, âm ran bệnh lý<br>- Khám và đánh giá hôn mê<br>- Khám và phát hiện liệt<br>- Khám, chẩn đoán và xử trí sơ bộ một số cấp cứu nội khoa thường gặp.<br>- Thăm khám hệ tuần hoàn và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tuần hoàn thường gặp.<br>- Thăm khám hệ hô hấp và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh hệ hô hấp thường gặp.<br>- Thăm khám hệ tiêu hóa và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tiêu hóa thường gặp.<br>- Thăm khám hệ tiết niệu và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh hệ tiết niệu thường gặp.<br>- Thăm khám hệ xương cơ khớp và phát hiện được triệu chứng, chẩn đoán, điều trị một số bệnh hệ xương cơ khớp thường gặp.<br>- Lâm BA, thuyết trình bệnh án một số bệnh nội khoa thường gặp | Nội Tổng hợp<br>HSTC - CD | 7 | 70 | 85 | 255 | 0 | 70 |
| LS Sản phụ khoa      | .- Tiếp nhận sản phụ vào điều trị tại khoa Sản<br>- Khám nhận định thai đủ tháng, thiếu tháng, thai suy<br>- Khám – theo dõi và chăm sóc sản phụ chuyển dạ<br>- Kiến tập đỡ đẻ<br>- Kiến tập đỡ nhau và kiểm tra nhau<br>- Chăm sóc trẻ sơ sinh<br>- Chăm sóc sản phụ<br>- Đặt mỏ vịt<br>- Tư vấn các biện pháp tránh thai<br>- Bệnh án sản phụ khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Sản                       | 4 | 40 | 30 | 90  | 0 | 40 |

|   |         |           |      |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |   |    |   |    |   |    |
|---|---------|-----------|------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---|----|---|----|---|----|
|   |         |           |      | TTLS Y học cổ truyền | - Xác định huyết ở đầu mặt, tay - chân<br>- Xác định huyết ở ngực – bụng<br>- Xác định huyết ở lưng<br>- Kỹ thuật châm cứu<br>- Thủ thuật xoa bóp<br>- Nhận biết nhóm thuốc chữa cảm sốt, bệnh Xương khớp, mẩn ngứa, ho<br>- nhóm thuốc chữa rối loạn tiêu hóa, bệnh gan, rối loạn kinh nguyệt, lợi niệu                  | YHCT-VLTL PHCN | 2 | 20 | 5 | 15 | 0 | 15 |
| 3 | 5720401 | Trung cấp | Dược | Thực tập Tốt nghiệp  | 1. Mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của khoa Dược trong bệnh viện.<br>2. Pha chế thuốc trong khoa Dược.<br>3. Cấp phát thuốc, ghi chép sổ sách, thống kê báo cáo công tác dược bệnh viện.<br>4. Cách sắp xếp và bảo quản thuốc, hóa chất ở khoa Dược bệnh viện.<br>- Tổ chức hệ thống kho bảo quản thuốc và hóa chất. | Khoa Dược      | 5 | 50 |   |    | 0 | 50 |

1 : Số thứ tự

2, 3, 4 : Mã đào tạo, trình độ, ngành chuyên ngành theo các quy định tại các thông tư và quy định có liên quan (tra theo khối ngành “sức khỏe”):

- Thông tư 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ LĐTBXH Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục cấp IV trình độ đại học;
- Thông tư 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ GDĐT ban hành danh mục giáo dục cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
- Quy định về đào tạo chuyên khoa, nội trú của Bộ Y tế.

5 : Môn học/học phần/tín chỉ: dựa vào “chương trình thực hành” trong “chương trình đào tạo” để có được tên môn học/học phần/tín chỉ.

6 : Nội dung: Trong trường hợp môn học/học phần ở nhiều khoa khác nhau dựa vào nội dung môn học/học phần/tín chỉ để có được danh sách “nội dung” của môn học/học phần và xác định “nội dung” nào sẽ học ở “khoa/đơn vị” nào?.

7 : Tên khoa/đơn vị thực hành: là tên khoa/đơn vị sẽ thực hành môn học/học phần/tín chỉ; Trong trường hợp môn học/học phần ở nhiều khoa/đơn vị khác nhau thì là tên khoa/đơn vị sẽ thực hành “nội dung” môn học/học phần/tín chỉ.

8 : Số lượng người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị: là số lượng người giảng dạy thực hành đạt yêu cầu theo Điều 8 Nghị định ở tại khoa phòng/đơn vị mà môn học, nội dung học được giảng dạy thực hành.

9 . Số lượng tối đa người học thực hành theo người giảng dạy (NGD) thực hành: là số lượng người học thực hành tối đa theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 8: Tại cùng một thời điểm, một người giảng dạy thực hành chỉ được giảng dạy không quá:

- 05 người học thực hành đối với đào tạo trình độ sau đại học;
- 10 người học thực hành đối với đào tạo trình độ đại học;
- 15 người học thực hành đối với đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp.

10: Số giường/ghế răng tại khoa/đơn vị đạt yêu cầu thực hành: là số giường theo kế hoạch của khoa đạt yêu cầu thực hành.

11: Số lượng tối đa người học thực hành theo số giường/ghế răng: là số lượng người học thực hành tối đa theo quy định tại điểm d, khoản Điều 9 Nghị định: Tại cùng một thời điểm, mỗi khoa/đơn vị có không quá 03 người học thực hành trên 01 giường bệnh hoặc 01 ghế răng.

**12, 13** : là số lượng người học thực hành đang học, số lượng người học thực hành có thể nhận thêm; tổng số người có thể nhận thực hành là:  $12+13$ .